

Đơn vị: Trường mầm non Tân Việt

Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

DỰ TOÁN THU - CHI NGUỒN NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 233 /QĐ- MNTV ngày 25/10 /2024 của trường Mầm non Tân Việt)

ĐVT: đồng

| Số TT     | Nội dung                                              | Kế hoạch thu- chi                                                                   |
|-----------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>    |                                                                                     |
| <b>01</b> | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                             |                                                                                     |
| 1.1       | Lệ phí                                                |                                                                                     |
| 1.2       | Phí (học phí)                                         | 50.000đ/tháng/trẻ<br>( Được hỗ trợ theo NQ 42/2024 - NQ -<br>HĐND ngày 23/09/2024 ) |
| 1.3       | Thu sự nghiệp khác (các khoản ngoài ngân sách)        |                                                                                     |
|           | Tiền ăn + CD+ chi phí khác ( vật tư tiêu hao bán trú) | 22.500đ/ngày/học sinh                                                               |
|           | Tiền thuê cấp dưỡng                                   | 103.000đ/tháng/học sinh                                                             |
|           | Tiền quản lý học sinh trong giờ bán trú (Trông trưa)  | 140.000đ/tháng/học sinh                                                             |
|           | Tiền đón sớm trả muộn                                 | -                                                                                   |
|           | Tiền sử dụng điện điều hòa lớp học                    | Thu theo số công tơ sử dụng                                                         |
|           | Tiền vật dụng bán trú                                 | 50.000đ/năm/học sinh                                                                |
| <b>02</b> | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>               |                                                                                     |
| 2.1       | Chi sự nghiệp .....                                   |                                                                                     |
| a         | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                        |                                                                                     |
| b         | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  |                                                                                     |
| 2.2       | Chi quản lý hành chính                                |                                                                                     |
| a         | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                      |                                                                                     |
| b         | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                |                                                                                     |
| <b>03</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>                        |                                                                                     |
| 3.1       | Lệ phí                                                |                                                                                     |
| 3.2       | Phí                                                   |                                                                                     |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                 |                                                                                     |
| <b>01</b> | <b>Chi quản lý hành chính</b>                         |                                                                                     |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                      |                                                                                     |
| 1.2       | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                |                                                                                     |
| <b>02</b> | <b>Nghiên cứu khoa học</b>                            |                                                                                     |
| 2.1       | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ        |                                                                                     |
| 2.2       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng         |                                                                                     |
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  |                                                                                     |
| <b>03</b> | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>      |                                                                                     |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                        |                                                                                     |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                  |                                                                                     |
| <b>04</b> | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>         |                                                                                     |

Tân Việt, ngày 25 tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



